

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 39/2022/DS-ST
Ngày : 20-6-2022
V/V tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Long.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh K, phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông Phạm Xuân S- chuyên viên xử lý nợ.

2/ Ông Lê Quỳnh T- chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh K, phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Bà Lê Thị Xuân T.

Ông Nguyễn Phát Đ.

Cùng địa chỉ: Đường Đỗ Tường T, khu phố X, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị H.

Ông Lê Văn L.

Cùng địa chỉ: Đường Đỗ Tường T, khu phố X, thị trấn V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-01-2022 và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Xuân S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng tín dụng thứ 1 (hợp đồng vay tín chấp): Ngày 07/11/2018 Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng)- Chi nhánh Long An ký hợp đồng tín dụng (vay tín chấp) với bà Lê Thị Xuân T ông Nguyễn Phát Đ vay với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh mua bán thanh long theo hợp đồng tín dụng số 0161800067000 ngày 07/11/2018, lãi suất cho vay 24%/năm thay đổi từng thời kỳ, thanh toán vốn gốc và lãi vào ngày 08 hằng tháng cho đến khi xong nợ, lãi suất chậm trả là 10% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn thanh toán hợp đồng tín dụng là ngày 08/11/2022.

Do bà T, ông Đ không trả vốn vay và lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng (vi phạm vào mục ii, điểm a, khoản 1 Điều 3 của hợp đồng tín dụng) nên Ngân hàng yêu cầu trả nợ trước hạn.

Vốn vay gốc còn lại: 58.333.322 đồng.

Lãi trong hạn: 7.304.110 đồng.

Lãi quá hạn: 5.059.422 đồng.

Lãi phạt chậm trả lãi: 286.986 đồng.

Tổng cộng vốn vay và các khoản lãi là: 70.983.840 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T, ông Đ phải liên đới thanh toán một lần số tiền vốn vay và các khoản lãi trên cho Ngân hàng, tổng cộng vốn vay và các khoản lãi là: 70.983.840 đồng. Các khoản lãi phát sinh sau ngày 20/6/2022 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T, ông Đ thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng thứ 2 (hợp đồng vay thế chấp): Ngày 02/4/2021 Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng)- Chi nhánh Long An ký hợp đồng tín dụng bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ vay với số tiền 2.760.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để trồng thanh long (đầu tư chăm sóc cây, phân bón...) theo hợp đồng tín dụng số 0162100023500 ngày 02/4/2021, lãi suất cho vay 12%/năm thay đổi từng thời kỳ, thanh toán vốn gốc và lãi vào ngày 10 hằng tháng cho đến khi xong nợ, lãi suất chậm trả là 10% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn thanh toán hợp đồng tín dụng là ngày 04/4/2022.

Do bà T, ông Đ, bà H, ông L không trả vốn vay và lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng (vi phạm vào khoản 6 Điều 9 của hợp đồng tín dụng) nên Ngân hàng yêu cầu trả nợ trước hạn.

Vốn vay còn lại: 2.760.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 186.923.836 đồng.

Lãi quá hạn: 106.165.479 đồng.

Lãi phạt chậm trả lãi: 8.519.818 đồng

Tổng cộng vốn vay và lãi là 3.061.609.133 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T, ông Đ, bà H, ông L phải liên đới thanh toán một lần số tiền vốn vay và các khoản lãi trên cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay và các khoản lãi là: 3.061.609.133 đồng. Các khoản lãi phát sinh sau ngày 21/6/2022 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến bà T, ông Đ, bà H, ông L thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp của hợp đồng vay thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046163 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09634) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An cấp ngày 14/4/2015; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 270, tờ bản đồ số 27, diện tích 323,3m². Tài sản này thuộc sở hữu của bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 0162000016700, ngày 31/3/2020, do văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh công chứng 31/3/2020, số công chứng 791, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046164 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09635) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An cấp ngày 14/4/2015; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 218,2m². Tài sản này thuộc sở hữu của bà Ngô Thị H, ông Lê Văn L theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 0162000016600, ngày 31/3/2020, do văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh công chứng 31/3/2020, số công chứng 792, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

Trường hợp bà T, ông Đ không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà T, ông Đ và tài sản của bà H, ông L để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Toàn bộ số tiền thu được dùng để thực hiện trả nợ cho bà T, ông Đ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi còn thiếu bà T, ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ còn cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

Bà T, ông Đ, bà H, ông L là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà T, ông Đ, bà H, ông L là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay, các khoản tiền lãi của 02 hợp đồng tín dụng. Do bà T, ông Đ, bà H, ông L đã vi phạm thỏa thuận của hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T, ông Đ, bà H, ông L là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng)- Chi nhánh Long An, khởi kiện bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ, bà Ngô Thị H, ông Lê Văn L về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ, bà Ngô Thị H, ông Lê Văn L vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy Ngân hàng yêu cầu bà T, ông Đ, phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay và các khoản tiền lãi là 70.983.840 đồng đối với hợp đồng vay tín chấp và Ngân hàng yêu cầu bà T, ông Đ, bà H, ông L phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay và các khoản tiền lãi là 3.061.609.133 đồng đối với hợp đồng vay thế chấp.

Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên cần buộc các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả vốn vay và các khoản lãi cho Ngân hàng khi án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các điều 288, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự cụ thể như sau:

Bà T, ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay và các khoản tiền lãi là 70.983.840 đồng. Các khoản lãi phát sinh sau ngày 20/6/2022 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T, ông Đ thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Bà T, ông Đ, bà H, ông L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay, tiền lãi và các khoản lãi tiền phạt lãi chậm trả là 3.061.609.133 đồng. Các khoản lãi phát sinh sau ngày 21/6/2022 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T, ông Đ, bà H, ông L thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

[3] Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp đối với hợp đồng vay thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046163 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09634) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An cấp ngày 14/4/2015; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 270, tờ bản đồ số 27, diện tích 323,3m². Tài sản này thuộc sở hữu của bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 0162000016700, ngày 31/3/2020, do văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh công chứng 31/3/2020, số công chứng 791, Quyền số

03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046164 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09635) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An cấp ngày 14/4/2015; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 218,2m². Tài sản này thuộc sở hữu của bà Ngô Thị H, ông Lê Văn L theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 0162000016600, ngày 31/3/2020, do văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh công chứng 31/3/2020, số công chứng 792, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

Trường hợp bà T, ông Đ không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà T, ông Đ, bà H, ông L để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Toàn bộ số tiền thu được dùng để thực hiện trả nợ cho bà T, ông Đ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi còn thiếu bà T, ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ còn lại cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về toàn bộ nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp.

[5] Từ nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.100.000 đồng, Ngân hàng đã nộp xong, do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông bà T, ông Đ, bà H, ông L phải liên đới chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, ông Đ, bà H, ông L có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.100.000 đồng.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu án phí, bà T, ông Đ, bà H, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng)- Chi nhánh Long An, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ, bà Ngô Thị H, ông Lê Văn L.

1.1. Buộc bà T, ông Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng đối với hợp đồng vay tín chấp bao gồm: Vốn vay gốc còn lại là 58.333.322 đồng, lãi trong hạn là 7.304.110 đồng, lãi quá hạn là 5.059.422 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 286.986 đồng, tổng cộng vốn vay và các khoản lãi là 70.983.840 đồng (bảy mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Các khoản lãi phát sinh sau ngày 20/6/2022 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T, ông Đ thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

1.2. Buộc bà T, ông Đ, bà H, ông L phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng đối với hợp đồng vay thế chấp bao gồm: Vốn vay còn lại là 2.760.000.000 đồng, lãi trong hạn là 186.923.836 đồng, lãi quá hạn là 106.165.479 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 8.519.818 đồng, tổng cộng vốn vay và các khoản lãi là 3.061.609.133 đồng (ba tỷ không trăm sáu mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn một trăm ba mươi ba đồng). Các khoản lãi phát sinh sau ngày 21/6/2022 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T, ông Đ, bà H, ông L thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Phản tài sản đảm bảo cho việc thế chấp đối với hợp đồng vay thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046163 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09634) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An cấp ngày 14/4/2015, đăng ký biến động 22/3/2017; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 270, tờ bản đồ số 27, diện tích 323,3m². Tài sản này thuộc sở hữu của bà Lê Thị Xuân T, ông Nguyễn Phát Đ theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 0162000016700, ngày 31/3/2020, do văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh công chứng 31/3/2020, số công chứng 791, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 046164 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 09635) do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An cấp ngày 14/4/2015; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 253, tờ bản đồ số 27, diện tích 218,2m². Tài sản này thuộc sở hữu của bà Ngô Thị H, ông Lê Văn L theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số 0162000016600, ngày 31/3/2020, do văn phòng công chứng Hồ Thị Hồng Linh công chứng 31/3/2020, số công chứng 792, Quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành.

Trường hợp bà T, ông Đ không thanh toán số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà T, ông Đ, bà H, ông L để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận. Toàn bộ số tiền thu được dùng để thực hiện trả nợ cho bà T, ông Đ đối với Ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi còn thiếu bà T, ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ còn lại cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà T, ông Đ, bà H, ông L có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng được hoàn lại 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007731 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà T, ông Đ phải liên đới chịu 3.549.192 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn một trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng vay tín chấp.

Bà T, ông Đ, bà H, ông L phải liên đới chịu 93.232.183 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn một trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với hợp đồng vay thế chấp.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí